

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 31 - 7 - 2024

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Nhật Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ba;

Ông Lưu Đức Chung.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký tòa án nhân dân huyện Long Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:
Ông Lê Trọng Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 416/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 150/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Tuyết N, sinh năm 1979.

Địa chỉ : Tổ A, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai;

(Chị N, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các biên bản làm việc nguyên đơn chị Trần Tuyết N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T chung sống tự nguyện vào năm 1999 nhưng đến năm 2003 mới đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2006 do kinh tế khó khăn nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, tranh cãi, anh T lại thường xuyên rượu chè, say xỉn chửi bới vợ con, không chăm lo cuộc sống gia đình, vợ chồng không quan tâm chia sẻ lẫn nhau. Không còn khả năng nhẫn nhịn trước các hành động của anh T nên tháng 4/2024 chị về nhà mẹ ruột tại S làm ăn sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không bàn bạc đoàn tụ. Nhận thấy mâu thuẫn giữa chị và anh T đã trầm trọng nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Trần Nhật T1, sinh năm 2003 và Nguyễn Trần T2, sinh năm 2005. Hiện 02 con chung đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

** Tòa án đã triệu tập Nguyễn Văn T nhiều lần nhưng anh T vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án:*

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ được thực hiện đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được bảo đảm, các quyết định được tổng đạt hợp lệ, phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu tranh chấp ly hôn của chị Trần Thị Tuyết N. Xử cho chị Trần Thị Tuyết N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Cháu Nguyễn Trần Nhật T1 và cháu Nguyễn Trần T2, đã trưởng thành nên không xem xét.

Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tranh chấp phát sinh giữa chị Trần Thị Tuyết N và anh Nguyễn Văn T là tranh chấp ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn anh Nguyễn Văn T cư trú tại: Tổ A, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai nên tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị N và anh T chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 46/2003 ngày 11/8/2003 nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Chị N trình bày từ năm 2006 đến nay do kinh tế khó khăn nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, tranh cãi, anh T thường xuyên rượu chè, không chăm lo cuộc sống gia đình, vợ chồng không còn quan tâm chia sẻ lẫn nhau, cuộc sống

chung không hạnh phúc. Tòa án nhiều lần mời anh T đến Tòa án làm việc nhưng anh T vẫn không có ý kiến, không có mặt tại phiên tòa thể hiện sự bỏ mặc quan hệ hôn nhân với chị N. Xét thấy, hôn nhân giữa chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên giải quyết cho chị N được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung tên là Nguyễn Trần Nhựt T1, sinh năm 2003 và Nguyễn Trần T2, sinh năm 2005. Hiện 02 con chung đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị N khai vợ chồng tự thoả thuận, anh T không có ý kiến trình bày nên Tòa án không xem xét.

[6] Nợ chung: Chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T không có ý kiến trình bày nên Tòa án không xem xét.

[7] Về án phí: Chị N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Tuyết N. Xử cho chị Trần Thị Tuyết N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: 02 con chung chung tên là Nguyễn Trần Nhựt T1, sinh năm 2003 và Nguyễn Trần T2, sinh năm 2005 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu số 0015782 ngày 13/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, chị N đã nộp xong.

Chị Trần Thị Tuyết N và anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. Long Thành;
- UBND xã Bình An;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nhật Lệ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA